TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SA ĐÉC** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 07 – 5 – 201 9
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Cao Thị Diệu Hiền

2. Bà Trương Thị Bạch Yến

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Kim Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa: Ông Lê Tiến Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 274/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị H, sinh năm 19xx
Địa chỉ: QLX, ấp P, xã T, thành phố S, Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh B, sinh năm 19yy
Địa chỉ: QLX, ấp P, xã T, thành phố S, Đồng Tháp.

Chị H có mặt, anh B có đơn xét xử vắng mặt

NHẬN THẤY:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh B chung sống vợ chồng vào năm 2015, có tổ chức đám cưới có đăng ký kết hôn vào ngày 07/7/2015 tại UBND xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Trước khi kết hôn, chị H và anh B có thời gian tìm hiểu khoảng 03 tháng. Sau khi kết hôn sống chung bên nhà cha mẹ của anh B. Chị H và anh B chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn do tính

tình và quan điểm sống hai bên không còn phù hợp. Anh B có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, chị H khuyên nhiều lần nhưng không sửa đổi. Ngoài ra trong quá trình sống chung nhà với gia đình cha mẹ ruột của anh B, giữa chị H với em của anh B cũng có một số mâu thuẫn với nhau. Từ đó, vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cự cãi, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Năm 2018, chị H đưa con ra ngoài thuê nhà trọ ở và sống ly thân anh B. Nay chị H nhận thấy tình cảm không còn, chị và anh B không thể hàn gắn trở lại chung sống. Do đó, chị H yêu cầu ly hôn anh B..

- Về con chung: Có 01 con tên C, sinh ngày 16/5/2016 (hiện đang sống với chị H). Khi ly hôn chị H yêu cầu nuôi con, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con thành niên

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Có nợ ngân hàng Z, phòng giao dịch S 19.167.040đ và tiền lãi phát sinh. Chị H đã thỏa thuận với ngân hàng về nghĩa vụ trả nợ sau ly hôn và về phía ngân hàng cũng đã có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập, không tranh chấp yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh B thống nhất theo lời trình bày của nguyên đơn chị H về thời gian chung sống, tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn. Sau kết hôn, anh B và chị H chung sống hạnh phúc cho đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh B làm ăn thua lỗ, kinh tế gia đình gặp khó khăn, anh B phải đi làm thợ hồ, nhưng thu nhập không đủ chi tiêu cho gia đình. Từ đó, vợ chồng gây gỗ, cự cãi và sau đó chị H đưa con ra ngoài thuê nhà trọ sống. Nay anh B nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh B đồng ý ly hôn chị H.

- Về con chung: Có 01 con tên C, sinh ngày 16/5/2016 (hiện đang sống với chị H) Khi ly hôn anh B đồng ý để chị H nuôi con, anh B đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con thành niên.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Có nợ ngân hàng Z, phòng giao dịch S 19.167.040đ và tiền lãi phát sinh. Khi ly hôn, các bên tự thỏa thuận, không tranh chấp yêu cầu giải quyết.

*** Ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Chị H và anh B đều xác định tình cảm không còn, anh B cũng đồng ý ly hôn chị H. Tuy nhiên do anh B vắng mặt nên không thể hòa giải thuận tình ly hôn. Do đó, việc chị H yêu cầu ly hôn anh B là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật; Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa

thuận của chị H và anh B. Chị H được nuôi con chung tên C, sinh ngày 16/5/2016; Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy việc anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ là hoàn toàn tự nguyện và đảm bảo quyền lợi của cháu C nên chấp nhận. Về chia tài sản chung: Không có nên không xem xét. Về chia nợ chung: Các bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

XÉT THẤY:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh B có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy trường hợp vắng mặt của bị đơn không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa. Do đó, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của chị H yêu cầu ly hôn anh B, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị H và anh B chung sống vợ chồng từ năm 2015, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 07/7/2015 tại UBND xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị H và anh B đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình, quan điểm sống hai bên không phù hợp. Ngoài ra, do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, công việc của anh B không đủ lo cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cự cãi và chị B đưa con ra ngoài thuê nhà trọ sống ly thân anh B. Nay về tình cảm không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc. Chị H yêu cầu ly hôn, về phía anh B cũng đồng ý ly hôn chị H. Tuy nhiên, do anh B có đơn xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên không thể công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh B.

Tại Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được."

Do đó, Hội đồng xét xử xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh B đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị H yêu cầu ly hôn anh B là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nuôi con chung: Có 01 con tên C, sinh ngày 16/5/2016 (hiện đang sống với chị H). Khi ly hôn, chị H và anh B thống nhất thỏa thuận, chị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con. Xét thấy, sự thỏa thuận về việc nuôi con chung sau ly hôn giữa chị H và anh B là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Anh B có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con, không ai có quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị H yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi con thành niên. Về phía anh B cũng tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự về việc cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.500.000đ/tháng là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về chia tài sản chung: Chị H và anh B xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị H, anh B và phía ngân hàng Z, phòng giao dịch S xác định chị H và anh B có nợ ngân hàng số tiền 19.167.040đ và tiền lãi phát sinh. Ngày 12/10/2018, phía ngân hàng có đơn khởi kiện yêu cầu độc lập trong vụ án ly hôn này. Tuy nhiên, đến ngày 17/4/2019, Ngân hàng đã có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập vì các bên đã thỏa thuận được với nhau về nghĩa vụ trả nợ. Nay trong vụ án tranh chấp ly hôn giữa chị H và anh B, phía ngân hàng không có tranh chấp yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

Về án phí: Chị H nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn), anh B nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (về cấp dưỡng nuôi con) theo quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Các Điều: 55, 56, 58, 59, 71, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị H. Cho ly hôn giữa chị H và anh B.

2. Về nuôi con chung:

- Chị H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên C, sinh ngày 16/5/2016 (hiện đang sống với chị H).

- Anh B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng). Thời gian cấp dưỡng được tính từ khi bản án có hiệu lực cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

- Anh B có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí:

- Chị H nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn). Số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp ngày 29/8/2018 theo biên lai thu số 0004808 tại Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ vào án phí phải nộp.

- Anh B nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về cấp dưỡng nuôi con) tại Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố Sa Đéc.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự (02 bản);
- Tòa án Tỉnh Đồng Tháp (01 bản)
- Viện Kiểm sát nhân dân TP. Sa Đéc (02 bản);
- Chi cục Thi hành án Dân sự TP. Sa Đéc (01 bản)
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng (04 bản);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thủy